

## BÁO CÁO

### Tình hình hoạt động năm 2014

#### của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước

(theo mẫu Phụ lục 4 - Thông tư 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu)

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1. Những sự kiện quan trọng:

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2006.

Ngày 30/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 992/QĐ-TTg về việc chuyển đổi Tổng công ty sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Nhằm từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức phù hợp với tình hình thực tế, Tổng công ty đã phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng, báo cáo Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC và Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

### 1.2. Chức năng nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động:

- Chức năng nhiệm vụ chính của SCIC bao gồm: (i) Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp; (ii) Thực hiện các hoạt động sáp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành; (iii) Đầu tư vốn vào các tập đoàn, tổng công ty, hoặc công ty mẹ hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nhà nước nắm giữ quyền chi phối; các dự án theo chỉ định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực đem lại hiệu quả kinh tế; (iv) Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính và thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến Quỹ Hỗ trợ sáp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Mục tiêu hoạt động của SCIC: (i) Là công cụ của Chính phủ trong việc thực hiện đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; (ii) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu nhà nước đầu tư tại SCIC và vốn của SCIC đầu tư tại doanh nghiệp khác, hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu nhà nước giao; (iii) Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

### **1.3. Định hướng phát triển:**

#### **- Định hướng phát triển đến năm 2020:**

Trở thành nhà đầu tư chiến lược của Chính phủ trong và ngoài nước; công cụ để Nhà nước đầu tư, nắm giữ chi phối tại các ngành nghề, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế; Tập đoàn đầu tư tài chính có quy mô lớn trong khu vực vào năm 2020.

#### **- Định hướng phát triển đến năm 2030:**

Là nhà đầu tư chiến lược của Chính phủ ở trong nước và ngoài nước; đầu tư nắm giữ chi phối tại các ngành nghề, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế; trở thành Tập đoàn đầu tư tài chính có quy mô lớn trong khu vực.

## **II. BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

### **2.1. Những nét nổi bật**

Tổng công ty đã tạo ra sự đổi mới cơ chế quản lý vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp, tách chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp; đẩy mạnh việc cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng duy trì vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong các ngành, lĩnh vực then chốt. Thông qua đó, Tổng công ty đã khẳng định vai trò, vị thế trên thị trường tài chính Việt Nam, là chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong quá trình đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

### **2.2. Tình hình thực hiện kế hoạch**

Trong năm 2014, tổng doanh thu của SCIC đạt 6.948 tỷ đồng, tăng 25% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 5.776 tỷ đồng, tăng 20% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 5.303 tỷ đồng tăng 18% so với kế hoạch.

### **2.3. Thay đổi chủ yếu trong năm**

- Về việc tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Năm 2014, Tổng công ty đã tiếp nhận được vốn tại 13 doanh nghiệp, với giá trị sổ sách vốn nhà nước là 688 tỷ đồng và đang tiếp tục thẩm định một số hồ sơ tiếp nhận

bàn giao chuyển từ Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, TP. Hải Phòng, tỉnh Lâm Đồng. Lũy kế từ khi thành lập, số doanh nghiệp đã tiếp nhận là 978 doanh nghiệp tương ứng với tổng vốn nhà nước là 8.604 tỷ đồng.

- Về việc thực hiện quản trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Tổng công ty đã phân loại doanh nghiệp theo 04 nhóm, xây dựng biện pháp quản trị khác nhau áp dụng đối với từng nhóm nhằm quản lý hiệu quả phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Phối hợp với địa phương và chỉ đạo người đại diện thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp (sản phẩm, vốn, nợ), giải quyết dứt điểm tồn tại của doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, qua đó giúp doanh nghiệp hoạt động ổn định, có lợi nhuận, cổ tức, nâng cao giá trị vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như tái cơ cấu vốn, nhân sự; tái cơ cấu sản phẩm...

Tăng cường phối hợp với cơ quan chức năng, tranh thủ sự ủng hộ của các địa phương, các Bộ, ngành để quản lý tốt phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp.

- Về công tác bán vốn: Năm 2014, Tổng công ty bán vốn thành công tại 80 DN (trong đó bán hết vốn tại 74 DN), thu về 2.197 tỷ đồng trên giá vốn 987 tỷ đồng, đạt tỷ lệ hơn 2,2 lần. Lũy kế từ khi thành lập đến 31/12/2014, SCIC đã bán vốn tại 730 doanh nghiệp, trong đó bán hết vốn nhà nước tại 659 DN, thu về 6.321 tỷ đồng, đạt tỷ lệ trung bình 2,2 lần so với giá vốn. Sau khi Quy chế bán vốn mới được ban hành (theo Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 11/4/2014) phần lớn các vướng mắc về thể chế đã được tháo gỡ, là một đòn bẩy giúp thúc đẩy kết quả bán vốn trong năm 2014 và các năm tiếp theo.

- Công tác đầu tư: tiếp tục được chú trọng, mở rộng với định hướng đầu tư rõ nét hơn, tạo bước chuẩn bị quan trọng để đẩy mạnh hơn chức năng đầu tư kinh doanh vốn của Tổng công ty trong thời gian tới.

## 2.4. Thuận lợi khó khăn

### a. Thuận lợi:

- Lãnh đạo Tổng công ty đã quán triệt nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương; vận dụng linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty, để có các quyết định đúng, đưa ra các chỉ tiêu sát hợp với tình hình thực tế, từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, xác định những lĩnh vực then chốt để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết đã đề ra.

### b. Khó khăn:

- *Công tác tiếp nhận* bàn giao vốn chậm và tiếp tục gặp khó khăn do: một số Bộ, ngành tiếp tục bán vốn nhà nước và không tiến hành bàn giao về SCIC; một số Bộ, địa phương không tích cực bàn giao, giữ lại DN quy mô lớn, kinh doanh có hiệu quả; một số hồ sơ doanh nghiệp chuyển giao về Tổng công ty cần bổ sung thông tin, còn một số vướng mắc về tài chính...

- *Công tác quản trị* tại một số doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, vướng mắc; trách nhiệm của một số Người đại diện vốn chưa cao, cá biệt vẫn còn một số Người đại diện thiếu hợp tác, chưa tuân thủ quy chế. Cán bộ của SCIC trong giai đoạn đầu còn mỏng và thiếu kinh nghiệm khi xử lý các vấn đề phức tạp liên quan đến doanh nghiệp và Người đại diện (kiện cáo kéo dài, thiếu thông tin báo cáo từ phía Người đại diện....).

- *Về bán vốn nhà nước:* công tác bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp còn chậm, số lượng doanh nghiệp bán vốn thành công chưa cao như kế hoạch do: (i) Trong số doanh nghiệp đã tiếp nhận đến nay có đến 80% các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nằm rải rác ở nhiều địa phương, tỷ lệ sở hữu SCIC thấp, làm ăn không hiệu quả, có nhiều tồn tại về tài chính, quản trị... do vậy không thu hút nhà đầu tư; (ii) Sức mua giảm, thị trường chứng khoán khó khăn.

- Một số dự án đầu tư, cơ hội đầu tư tài chính của SCIC triển khai chậm, kết quả đạt được chưa đáp ứng kỳ vọng.

## **2.5. Triển vọng kế hoạch:**

Dự báo năm 2015 tình hình kinh tế sẽ có những chuyển biến tích cực (kế hoạch GDP tăng 6,2%) nên SCIC xây dựng kế hoạch các chỉ tiêu tài chính cơ bản (Doanh thu, Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế) tăng trên 7% so với thực hiện năm 2014. Ước tính các chỉ tiêu tài chính SCIC thực hiện năm 2015 sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

# **III. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

## **3.1. Về việc báo cáo tài chính**

- Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ: Tổng công ty tuân thủ các quy định về nguyên tắc, chuẩn mực khi lập và trình bày Báo cáo tài chính

- Tình hình kiểm toán nội bộ: Tổng công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Ban Quản lý Rủi ro.

## **3.2. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các nhận xét đặc biệt: không có

### **3.3. Kiểm toán nội bộ**

- Ý kiến của kiểm toán nội bộ: đồng ý với số liệu Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Các nhận xét đặc biệt: Không

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của SCIC đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Phụ lục kèm theo.

## **IV. CÁC CÔNG TY CON DO SCIC NĂM TRÊN 50% VĐL (SIC)**

Đối với SCIC, tại Điều 1 Khoản 1 Điểm c Nghị định số 57/2014/NĐ-CP có định nghĩa: “Công ty con của Tổng công ty là công ty do Tổng công ty thành lập và nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (không bao gồm các doanh nghiệp tiếp nhận)”. Vì vậy, hiện nay SCIC chỉ có một công ty con là Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC (SIC).

### **4.1. Tình hình đầu tư của SCIC vào SIC:**

SIC được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 16/10/2012 của Hội đồng thành viên SCIC với số vốn điều lệ đăng ký là 1.000 tỷ đồng. Số vốn SCIC góp vào SIC tới cuối năm 2014 là 498,1 tỷ đồng căn cứ vào nhu cầu giải ngân đầu tư thực tế của Công ty.

### **4.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của SIC:**

#### **a. Hoạt động của công ty:**

Hoạt động chính của SIC bao gồm các hoạt động đầu tư (trong đó bao gồm đầu tư tài chính và đầu tư dự án) và hoạt động tư vấn đầu tư.

#### **b. Tình hình tài chính của SIC:**

Trong năm 2014, các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của SIC đều đạt vượt mức kế hoạch đề ra cho năm 2014, cụ thể: Doanh thu: 59,08 tỷ đồng (đạt

113% kế hoạch); Lợi nhuận sau thuế 31,24 tỷ đồng (đạt 124% kế hoạch).

## V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Hội đồng thành viên và Chủ tịch công ty:

- Cơ cấu HĐTV: Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm.
- Hoạt động HĐTV: Các quyết định lớn của HĐTV trong năm 2014, bao gồm:

STT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung
1	Quyết định	09/QĐ-ĐTKDV.HĐTV	3/14/2014	Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2014 của SCIC
2	Quyết định	24/QĐ-ĐTKDV.HĐTV	4/24/2014	Điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2014 của SCIC
3	Quyết định	45/QĐ-ĐTKDV.HĐTV	9/12/2014	Đầu tư mua cổ phần Ngân hàng TMCP Quân đội
4	Quyết định	30/QĐ-ĐTKDV.HĐTV	12/19/2014	Phê duyệt tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên

### 2. Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên

- Theo Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014, Tổng công ty có 3 Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bổ nhiệm. Hiện tại, Tổng công ty có 02 Kiểm soát viên, là:

- (i) Ông Nguyễn Quốc Trị;
- (ii) Ông Bùi Đức Long;

### 3. Thủ trưởng HĐTV, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc:

Tổng công ty thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước tại Nghị định số 50, 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Thông tư số 18, 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 14/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (Kết quả cụ thể tại Phụ lục số 02 kèm theo).

### 4. Quản trị rủi ro của doanh nghiệp

Hiện tại, SCIC đã cơ bản hoàn thành dự thảo khung quản trị rủi ro. Trong đó, sơ đồ bộ máy tổ chức (cấu trúc) quản trị rủi ro được xây dựng theo mô hình ba vòng bảo vệ. Đây là mô hình tiên tiến được nhiều doanh nghiệp trên thế giới sử dụng trong hoạt động quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp. Cấu trúc quản trị rủi ro xác định rõ vai trò, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, ban giám đốc, các bộ phận chuyên môn trong công tác quản trị rủi ro.

Các quan điểm, định hướng chiến lược về quản trị rủi ro của Lãnh đạo Tổng

công ty được thể hiện rõ trong chính sách quản trị rủi ro. Theo đó, Tổng công ty định hướng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro đến năm 2020 một cách hệ thống. Tổng công ty đầu tư vào các ngành then chốt theo hướng thận trọng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Các nhóm rủi ro chính của SCIC được xác định và phân loại phù hợp với mô hình và tình hình hoạt động hiện tại bao gồm: rủi ro hoạt động, rủi ro đầu tư, rủi ro chiến lược, rủi ro môi trường.

Quy trình quản trị rủi ro được xây dựng bao gồm các hoạt động nhận diện, phân tích, đánh giá, xử lý và giám sát rủi ro. Từng hoạt động trong quy trình quản trị rủi ro được mô tả chi tiết, rõ ràng. Tổng công ty đang xây dựng hệ thống chỉ số rủi ro chính (KRI) và công cụ tự đánh giá và kiểm soát (RCSA). Từ đó đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện một cách bài bản, hiệu quả.

## 5. Chính sách tiền lương, thưởng của DN

Tổng công ty thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước tại Nghị định số 50, 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Thông tư số 18, 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 14/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (Kết quả cụ thể tại Phụ lục số 03 kèm theo).

*Nơi nhận:*

- Bộ KHĐT, Bộ TC: (để b/c);
- HĐTV: (để b/c);
- KSV;
- Lưu: VT, KHTH.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



## 1. PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Sốt	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn nếu có	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại SCIC	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)			
I	<b>Hội đồng thành viên</b>					
1	Trần Văn Hiếu	Chủ tịch HĐTV		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân ngân sách, ĐH Tài chính kế toán</li> <li>- Cử nhân Luật, ĐH Luật Hà Nội (tại chức)</li> <li>- Cử nhân cao cấp lý luận chính trị, Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</li> <li>- Tiến sỹ Tài chính tín dụng ngân hàng, ĐH Tài chính kế toán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 7/1980-12/1980: Nhân viên phòng Tài chính, huyện Cát Hải, Hải Phòng</li> <li>- 1/1981-12/1986: Bí thư Đoàn TNCS HCM cơ quan Sở Tài chính; Thanh tra viên, Tô trưởng, Trưởng Đoàn thanh tra Sở Tài chính thành phố Hải Phòng</li> <li>- 1/1987-12/1989: Phó Trưởng phòng Tổng hợp – Trợ lý Giám đốc, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng</li> <li>- 1/1990-11/1991: Phó trưởng phòng Ngân sách, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng</li> <li>- 12/1991-5/1995: Trưởng phòng Ngân sách, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng</li> <li>- 6/1995-3/2000: Phó Giám đốc, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng</li> <li>- 4/2001-12/2003: Thành ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Tài chính – Vật giá thành phố Hải Phòng</li> <li>- 1/2004-5/2004: Thành ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Tài chính thành phố Hải Phòng</li> <li>- 6/2004-10/2008: Thành ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng</li> <li>- 11/2008 – 26/11/2009: Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ Trưởng Bộ Tài chính</li> <li>- 27/11/2009-25/7/2013: Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ Trưởng Bộ Tài chính; Thành viên HĐTV SCIC</li> <li>- 26/7/2013-nay: Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ Trưởng Bộ Tài</li> </ul>	

Số	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại SCIC	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)			
2	Hồ Sỹ Hùng	TV HĐTV		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân kinh tế, ĐH Kinh tế quốc dân</li> <li>- Phó Tiến sỹ Kinh tế quản lý và kế hoạch hóa KTQD, ĐHKTQD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 11/1988-3/1991: Cán bộ phòng kế hoạch - vật tư, Liên hiệp các xí nghiệp cơ khí Lâm nghiệp (nay là TCT Lâm nghiệp Việt Nam)</li> <li>- 4/1991-4/1998: Cán bộ phòng Kế hoạch tài chính, Viện Nghiên cứu công nghệ quốc gia (Viện cấp Quốc gia, trực thuộc Chính phủ)</li> <li>- 5/1998-6/2003: Chuyên viên Vụ Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư</li> <li>- 7/2003-10/2005: Chuyên viên Cục Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ KHĐT. Trưởng phòng, Đáng ủy viên, Bí thư chi bộ</li> <li>- 11/2005-9/2009: Phó Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (nay là Cục Phát triển doanh nghiệp)</li> <li>- 10/2009 - nay: Cục trưởng, Bí thư Đảng ủy Cục, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ KHĐT</li> <li>- 2012: Phó Giáo sư ngành kinh tế</li> <li>- 22/7/2014-nay: Cục Trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ KHĐT, kiêm giữ chức thành viên HĐTV SCIC</li> </ul>	
3	Trần Hữu Tiên	TV HĐTV		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ sư Điện, ĐH Bách Khoa</li> <li>- Cử nhân kế toán công nghiệp, ĐH Tài chính Kế toán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1975-7/1980: Sinh viên, ĐH Bách khoa Hà Nội</li> <li>- 7/1980-10/1980: Dự lớp huấn luyện sỹ quan dự bị, Trường sĩ quan phòng không. Kết thúc phong quân hàm Thiếu úy</li> <li>- 12/1980: Nhập ngũ, đơn vị E 826 F 354 Quân khu thủ đô</li> <li>- 3/1981-8/1981: Về công tác tại Phòng Điện khí, Cục Hậu cần, Quân chủng không quân</li> <li>- 9/1981-3/1982: Công tác tại căn cứ không quân Cát Bi, Bộ Tư lệnh Hải quân</li> <li>- 4/1982-3/1984: Phong hàm Trung úy, Ủy viên BCH Đoàn TNCS HCM; Phó Bí thư chi đoàn kỹ thuật căn cứ không quân Cát Bi - Bộ Tư lệnh Hải quân</li> </ul>	

Số	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại SCIC	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)			
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- 4/1984-8/1995: Công tác tại Vụ Giao thông - Bộ điện - Bộ Tài chính, lần lượt làm văn thư, tổng hợp, chuyên viên quản lý ngành vận tải ô tô, chuyên viên quản lý ngành hàng không, trong đó: từ 6/1985-11/1989: Sinh viên, Đại học Tài chính kế toán</li> <li>- 8/1995-4/1998: Phó Vụ trưởng Vụ Nghiệp Vụ 1, Tổng Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp</li> <li>- 5/1998-8/1999: Vụ Trưởng, Vụ Nghiệp Vụ 1, Tổng Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp</li> <li>- 9/1999-8/2004: Phó Cục Trưởng - Cục TCDN - Bộ Tài chính</li> <li>- 9/2004-12/2004: Phó Cục Trưởng - Cục TCDN - Bộ Tài chính;</li> <li>- Thành viên HDQT TCT CP Bảo Minh</li> <li>- 01/2005-4/2006: Phó Cục Trưởng - Cục TCDN - Bộ Tài chính;</li> <li>- Thành viên HDQT TCT CP Bảo Minh; Chủ tịch HDQT CTCP Hàng không Pacific Airlines</li> <li>- 5/2006-6/2006: Phó Cục Trưởng - Cục TCDN - Bộ Tài chính;</li> <li>- Thành viên HDQT TCT CP Bảo Minh</li> <li>- 7/2006-9/2006: Phó Cục Trưởng - Cục TCDN - Bộ Tài chính;</li> <li>- Thành viên HDQT TCT CP Bảo Minh; UV HDQT Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô (kiêm nhiệm)</li> <li>- 10/2006-7/2014: Cục trưởng Cục TCDN – BTC; UV HDQT Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô (kiêm nhiệm)</li> <li>- 7/2014-nay: Cục trưởng Cục TCDN – BTC; UV HDQT Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô (kiêm nhiệm); TV HĐTV SCIC</li> </ul>	
4	Lại Văn Đạo	TV HĐTV			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân Tín dụng - ngân hàng ĐH Tài chính - Kế toán Hà Nội</li> <li>- Chứng chỉ Cao học Kinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2/1974-11/1976: Bộ đội qua các đơn vị: Huấn luyện E51, chiến sỹ; ĐB2; Chiến sỹ trung đoàn E55-F5 (Sư đoàn 5), Cảnh vệ E55-F5-Hạ sỹ. Trung đội phó tiểu đoàn Z51</li> <li>- 11/1976-12/1980: Sinh viên ĐH Tài chính - kế toán Hà Nội</li> </ul>

Số	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại Công ty khác (nếu có)	Chức danh tại SCIC			
5	Hoàng Nguyên Học	TV HĐTV	- CT HDQT, NDD T嚮 công ty c phn Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) - CT HDQT, NDD CTC Dược Hậu Giang	- Cử nhân kế toán nông nghiệp. - Thạc sỹ quản trị kinh doanh, ĐH Quốc Gia Hà Nội	- 1/1981-7/1990: Giáo viên trường ĐH Tài chính - Kế toán Hà Nội - 7/1990-10/1995: Phó Trưởng phòng - Vụ Tài chính Ngân hàng - Bộ Tài chính - 10/1995-12/1998: Phó Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ 4 - Tổng Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp - Bộ Tài chính - 1/1999-12/1999: Phó Vụ Trưởng Vụ Tài chính- Ngân hàng - Bộ Tài chính - 1/2000-12/2002: Trưởng Ban Kiểm soát Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển - 1/2003-5/2006: Phó Tổng GĐ Quỹ hỗ trợ phát triển - 5/2006-12/2010: Phó Tổng GĐ thường trực Ngân hàng Phát triển Việt Nam - 29/12/2010: TV HĐTV SCIC - 1/1/2011 - nay: TV HĐTV, Tổng GĐ, SCIC - 23/2/2011 -nay: Bí thư Đảng ủy, TV HĐTV, TGĐ SCIC	- 1979- 1982: Chuyên viên Vụ Nông lâm thủy lợi, Bộ Tài chính - 1982- 1984: Tiểu đoàn huấn luyện sư đoàn 323, đặc khu Quảng Ninh. Hạ sỹ quản lý tiểu đoàn. - 1984- 1986: Chuyên viên Vụ nông lâm thủy lợi, Bộ Tài chính - 1986- 1987: phó phòng Vụ nông lâm thủy lợi, Bộ Tài chính - 1987- 1988: phó phòng, chuyên gia tại Bộ Tài chính Campuchia - 01/1988- 05/1988: Phó phòng, Vụ nông lâm thủy lợi, Bộ Tài chính - 05/1988- 10/1988: phó phòng, chuyên gia tại Bộ Tài chính Campuchia - 1988- 1991: phó phòng Vụ nông lâm thủy lợi, Bộ Tài chính - 1991- 1995: Trưởng phòng Vụ nông lâm thủy lợi, Bộ Tài chính

Số	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại SCIC	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)			
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1995- 1999: Chánh văn phòng tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp Bộ Tài chính</li> <li>- 1999- 2003: Phó cục trưởng Cục tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính</li> <li>- 2003- 2006: Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính. Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Bộ</li> <li>- 2006- 2007: Tổng GD, SCIC</li> <li>- 2008- 26/6/2008: Phó Tổng GD, SCIC</li> <li>- 27/6/2008-nay: TV HDQT (nay là HĐTV), Phó Tổng GD, SCIC</li> </ul>	
<b>II Tổng giám đốc hoặc Giám đốc</b>						
1	Lại Văn Đạo	Tổng giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên	Như trên
<b>III Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc</b>						
1	Hoàng Học	Phó TGĐ	Như trên	Như trên	Như trên	Như trên
2	Lê Song Lai	Phó TGĐ	- TV HDQT, NDD, Tổng công ty cảng phân Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	- Trung cấp âm nhạc - Cử nhân Luật, DH KHGXH và nhân văn, DH QGHN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 8/1986-9/1990: Diễn viên Đoàn Ca múa Tổng Cục chính trị, Quân đội nhân dân Việt Nam</li> <li>- 9/1990-10/1996: Học viên Đoàn 871, Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc Phòng</li> <li>- Cử nhân tiếng Anh, DH SPNN Hà Nội</li> <li>- 10/1996-10/2003: Cán bộ Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính,</li> <li>- 11/2003-7/2006: Phó Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính</li> <li>- 8/2006- nay: Phó Tổng GD, SCIC</li> </ul>	
3	Nguyễn Quốc	Phó TGĐ	- TV HDQT, NDD, Tổng công ty cảng phân Bảo Minh	- Thạc sỹ Luật, ĐHKHXH & NVQG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thạc sỹ Luật, DH Cambridge, Anh</li> </ul>	
			- TV HDQT, NDD, CTCP Sữa Việt Nam	- Cử nhân kế toán các	- 8/1985-4/1988: Bộ đội tai Quân đoàn 3	

Số	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại SCIC	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)			
1	Huy		Tập đoàn Bảo Việt – CT HDQT CTCP Gang thép Thái Nguyên – CT HDQT, NDD TCT Cổ phần Điện Tử và Tin học Việt Nam	ngành sản xuất, ĐH TCKT HN – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế, ĐH Tổng hợp Cambridgeshire, Mỹ	- 1988-1991: Học ĐH TCKT – 2/1992-7/2006: Làm việc tại Công ty Kiểm toán Việt Nam, trong đó: + 2/1992-3/1994: Chuyên viên + 4/1994-3/1996: Phó trưởng phòng + 4/1996-5/1998: Trưởng phòng + 6/1998-1999: Bổ nhiệm Phó Giám đốc + 2000-7/2006: Phó bí thư Đảng bộ, Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Việt Nam	
4	Nhữ Thị Hồng Liên	Phó TGĐ			- 8/2006- 6/2010: UVHDQT, Trưởng Ban Kiểm soát, SCIC – 11/1/2011-13/7/2014: Phó TGĐ, TV HĐTV SCIC – 14/7/2014-nay: Phó TGĐ SCIC	
5	Nguyễn Hồng Hiền	Phó TGĐ			- Cử nhân Tài chính - ĐH TCKT – Cử nhân cao cấp chính trị, HV chính trị quốc gia	- 5/1980-2/1981: Cán bộ phòng Tài chính - Làm đăng ký kinh doanh tại Quảng Ninh – 3/1981-7/1993: Cán bộ phòng KH - NS Sở Tài chính Vật giá Quảng Ninh – 8/1993-3/1996: Cán bộ phòng Hành chính - Văn xã - Sở Tài chính Vật giá QN – 4/1996-3/1999: Phó phòng Tài vụ - Hành chính - Văn xã - Sở Tài chính Vật giá QN – 4/1999-4/2002: Phó GD Sở Tài chính Vật giá QN – 5/2002-3/2003: Giám đốc Sở Tài chính Vật giá QN – 4/2003-6/2011: Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh – 7/2011 - nay: Phó TGĐ SCIC
						- 1994-1998: Nhân viên phòng Pháp chế, văn phòng Đội ngoại, Cục Hàng không dân dụng VN

Số tự	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại SCIC	Chức danh tại Công ty khác (nếu có)			
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư Việt Nam</li> <li>- TV HDQT, NĐD CTCP Viễn thông FPT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân tài chính, ĐH KTQD</li> <li>- Thạc sỹ Luật ngân hàng và tài chính, ĐH Tổng hợp London, Anh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1998- 2000: Chuyên viên phòng Tổng hợp, văn phòng Cục hàng không dân dụng VN</li> <li>- 2000- 2003: Phó trưởng phòng Tổng hợp, văn phòng Cục hàng không dân dụng VN</li> <li>- 2003- 2006: Trưởng phòng thông tin tuyên truyền tại Bộ Giao thông vận tải VN</li> <li>- 03/2007- 4/2012: Chánh văn phòng điều hành, SCIC</li> <li>- 5/2012-2/2013: Trưởng Ban KHTH, SCIC</li> <li>- 3/2013-nay: Trưởng Ban Đầu tư 4, SCIC</li> <li>- 18/11/2014-nay: Phó Tổng giám đốc</li> </ul>	
6	Nguyễn Chí Thành	Phó TGĐ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó CT HDQT, NĐD CTCP Nhựa thiều niên Tiền Phong</li> <li>- CT HDQT, NĐD CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân kinh doanh thương mại, ĐH KTQD</li> <li>- Thạc sỹ chính sách Công tại học viện đào tạo Quốc gia về nghiên cứu chính sách - Nhật Bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1995- 1996: Chuyên viên Vụ quản lý hối ngoại</li> <li>- 1996-1998: trưởng nhóm chuyên viên kỹ thuật xử lý nợ CLB London- ngân hàng Nhà nước</li> <li>- 1998- 2002: phó trưởng phòng phòng Quản lý nợ nước ngoài</li> <li>- 2003- 2004: phó trưởng phòng nghiên cứu tổng hợp</li> <li>- 2005- 2006: phó trưởng phòng quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước</li> <li>- 10/2006-6/2010: Trưởng Ban Chiến lược, SCIC</li> <li>- 7/2010-2/2013: Trưởng Ban Quản lý rủi ro, SCIC</li> <li>- 3/2013-nay: Trưởng Ban Đầu tư 3, SCIC</li> <li>- 1/10/2014: Biệt phái Giám đốc CNPN, SCIC</li> <li>- 1/3/2015: Trưởng Ban QLVĐT 3, SCIC</li> <li>- 30/6/2015: Phó TGĐ SCIC</li> </ul>	

**PHỤ LỤC 02: THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ 2014**

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/Không chuyên trách	Hệ số lương	Tiền lương (tr.đồng/tháng)		Thù lao (tr.đồng/tháng)		Tiền thưởng (tr.đồng /tháng)	Thu nhập (tr.đồng /tháng)
					KH	TH	KH	TH		
1	Trần Văn Hiếu	CT HĐTV	Không chuyên trách				9,6	9,6	6,15	15,8
2	Cao Việt Sinh	Thành viên HĐTV	Không chuyên trách				8,7	8,7	9,99	18,7
3	Đỗ Hữu Hào	Thành viên HĐTV	Không chuyên trách				8,7	8,7	9,99	18,7
4	Trần Hữu Tiên	Thành viên HĐTV	Không chuyên trách				8,7	8,7	2,09	10,8
5	Hồ Sỹ Hùng	Thành viên HĐTV	Không chuyên trách				8,7	8,7	2,09	10,8
6	Lại Văn Đạo	Tổng giám đốc	Chuyên trách	8,2	48	48			3,23	51,2
7	Hoàng Nguyên Học	Phó TGĐ	Chuyên trách	7,66	43,5	43,5			4,08	47,6
8	Nguyễn Quốc Huy	Phó TGĐ	Chuyên trách	7,66	43,5	43,5			3,51	47,0
9	Nhữ Thị Hồng Liên	Phó TGĐ	Chuyên trách	7,66	43,5	43,5			1,76	45,3
10	Lê Song Lai	Phó TGĐ	Chuyên trách	7,66	43,5	43,5			3,80	47,3
11	Nguyễn Hồng Hiển	Phó TGĐ	Chuyên trách	7,33	43,5	43,5			3,81	47,3
12	Nguyễn Quốc Trị	Kiểm soát viên	Chuyên trách	7,33	43,5	43,5			1,91	45,4
13	Bùi Đức Long	Kiểm soát viên	Chuyên trách	7,33	43,5	43,5			1,38	44,9

**Ghi chú:**

- Ông Cao Việt Sinh và Đỗ Hữu Hào thôi làm thành viên HĐTV kể từ ngày 14/7/2014; ông Trần Hữu Tiên và Hồ Sỹ Hùng được bổ nhiệm là thành viên HĐTV kể từ ngày 22/7/2014. Ông Nguyễn Hồng Hiển giữ chức vụ Phó TGĐ kể từ ngày 18/11/2014 và ông Bùi Đức Long giữ chức vụ Kiểm soát viên kể từ ngày 01/9/2014.
- Tiền lương, thù lao thực hiện tính theo quỹ lương được quyết toán theo quy định. Tiền thưởng thực hiện được tính theo tổng tiền thưởng thực tế chi trong năm.
- Thu nhập bình quân tháng được tính theo số tháng thực tế làm việc trong năm của từng viên chức quản lý và chưa bao gồm thù lao kiêm nhiệm đại diện vốn năm 2014 (thực tế sẽ chi trả vào năm 2015).

**PHỤ LỤC 03: BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN**

TT	Chỉ tiêu đơn giá	Đơn vị tính	KH 2014	TH 2014	KH 2015
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I TIỀN LƯƠNG</b>					
1	Lao động định mức	Người	241	235	245
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	236	228	238
3	<b>Quỹ tiền lương</b>		<b>61.729</b>	<b>73.631</b>	<b>78.685</b>
4	Quỹ tiền thường, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	8.200	9.626	10.286
5	Thu nhập bình quân	Tr.đ/th	24,7	30,4	31,2
<b>II Tiền lương của viên chức quân lý chuyên trách</b>					
1	Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc bình quân	Người	5	5,1	7
2	Kiểm soát viên chuyên trách bình quân	Người	1	1,3	2
3	Sô thành viên không chuyên trách HĐTV bình quân	Người	3	3,0	3
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đ/th	29,5	29,5	29,1
5	Quỹ tiền lương của viên chức chuyên trách	Tr.đồng	<b>3.186</b>	<b>3.423</b>	<b>4.716</b>
6	Tiền lương bình quân viên chức quản lý chuyên trách	Tr.đ/th	44,3	44,2	43,7
7	Quỹ thù lao của viên chức không chuyên trách	Tr.đồng	<b>324</b>	<b>319</b>	<b>324</b>
8	Mức thù lao bình quân	Tr.đ/th	9,0	9,0	9,0
9	Quỹ tiền thường	Tr.đồng	467	456	630
10	Mức thu nhập bình quân của VCQL chuyên trách	Tr.đồng	49,02	47,2	48,6
11	Mức thu nhập bình quân của VCQL không chuyên trách	Tr.đ/th	13,8	15,3	13,9

**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN  
NHÀ NƯỚC**

(*Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-SCIC**  
Đơn vị: triệu VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGÂN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	100		<b>59.116.486</b>	<b>35.609.329</b>
I. Tiền	110	6	<b>7.651</b>	<b>18.033</b>
1. Tiền	111		<b>7.651</b>	<b>18.033</b>
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	<b>56.462.838</b>	<b>33.589.718</b>
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		<b>57.228.145</b>	<b>34.269.064</b>
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(765.307)	(679.346)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>2.640.746</b>	<b>1.998.364</b>
1. Trả trước cho người bán	132		450	765
2. Phải thu hoạt động đầu tư tài chính	134	8	427.690	1.029.091
3. Phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	135	17	2.220.485	951.358
4. Các khoản phải thu khác	136	9	32.424	57.557
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(40.303)	(40.407)
IV. Hàng tồn kho	140		<b>176</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		<b>176</b>	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>5.075</b>	<b>3.214</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		683	720
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.392	2.494
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+240+250+260)	200		<b>11.871.490</b>	<b>30.719.746</b>
I. Tài sản cố định	220		<b>176.399</b>	<b>211.528</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	<b>28.359</b>	<b>49.024</b>
- Nguyên giá	222		<b>44.815</b>	<b>61.336</b>
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.456)	(12.312)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	<b>147.787</b>	<b>104.229</b>
- Nguyên giá	228		<b>148.685</b>	<b>105.104</b>
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(898)	(875)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	253	58.275
II. Bất động sản đầu tư	240	13	<b>34.805</b>	-
- Nguyên giá	241		<b>36.635</b>	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.830)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	<b>11.555.056</b>	<b>30.400.266</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		<b>1.975.809</b>	<b>4.375.775</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		<b>3.147.262</b>	<b>3.011.465</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		<b>6.452.650</b>	<b>23.739.805</b>
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(20.665)	(726.779)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		<b>105.230</b>	<b>107.952</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	<b>104.743</b>	<b>107.290</b>
2. Tài sản dài hạn khác	268		487	662
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		<b>70.987.976</b>	<b>66.329.075</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-SCIC**  
Đơn vị: triệu VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	Mã số	Thuyết minh	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)</b>	300		<b>39.648.710</b>	<b>36.165.870</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>193.771</b>	<b>1.133.891</b>
1. Phải trả người bán	312		5.373	23.787
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	42.053	96.943
3. Phải trả người lao động	315		46.851	39.653
4. Chi phí phải trả	316		4.718	3.500
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		53.631	953.578
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		41.059	4.233
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	338		86	12.197
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>1.688</b>	<b>2.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		238	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.450	2.000
<b>III. Các quỹ phải trả</b>	340		<b>39.453.251</b>	<b>35.029.979</b>
1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	341	17	39.453.251	35.029.979
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	400		<b>31.339.266</b>	<b>30.163.205</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410		<b>31.339.266</b>	<b>30.163.205</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	19.708.756	19.000.240
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.965.914	8.003.762
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		313.639	2.829.234
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		350.957	329.969
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	440		<b>70.987.976</b>	<b>66.329.075</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

**31/12/2014**

**31/12/2013**

Ngoại tệ các loại

- USD	737.224	4.034.467
- EUR	8	8
- GBP	4.172	4.172
- JPY	544.000	-
- HKD	360	-

*Nguyễn Thị Phương Thảo*  
Người lập biếu

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

*Vũ Trí Thức*  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



*Nguyễn Quốc Huy*  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-SCIC**

Đơn vị: triệu VND

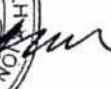
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2014	2013
1. Doanh thu hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	10	19	6.943.951	5.236.944
2. Chi phí hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	11	20	1.047.769	47.290
3. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		5.896.182	5.189.654
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4	143
5. Chi phí tài chính	22		21	11
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	124.344	123.453
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn (30=20+21-22-25)	30		5.771.821	5.066.333
8. Thu nhập khác	31		4.352	10.458
9. Chi phí khác	32		214	6.817
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.138	3.641
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.775.959	5.069.974
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	473.352	498.740
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.302.607	4.571.234

  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

  
Vũ Trí Thức  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

  
TỔNG CÔNG TY  
ĐẦU TƯ VÀ  
KINH DOANH  
VỐN NHÀ NƯỚC  
CÔNG TY  
TNHH  
CẦU GIẤY - HÀ NỘI  
M.S.D.N.0101993921-C.T.T.N.H.H  
\* Cầu Giấy - TP. Hà Nội

  
Nguyễn Quốc Huy  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng